

Trường Tòa án Santa Clara Court School

Phiếu báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học

Báo cáo Sử dụng Dữ liệu Năm học 2019-2020

Được xuất bản trong năm học 2020-2021

Đến ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California được luật tiểu bang yêu cầu xuất bản Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (tiếng Anh gọi là "School Accountability Report Card", viết tắt là SARC). SARC có thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập ở California. Theo Công thức Tài trợ Kiểm soát Địa phương (tiếng Anh là "Local Control Funding Formula", viết tắt là LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (gọi tắt là LEA) được yêu cầu chuẩn bị Kế hoạch về Trách nhiệm Giải trình và Kiểm soát tại Địa phương (tiếng Anh là "Local Control and Accountability Plan", viết tắt là LCAP), để mô tả cách họ dự định đáp ứng các mục tiêu cụ thể của trường học hàng năm cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể để giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và cách truy cập vào các báo cáo của năm trước, hãy xem trang mạng SARC của Bộ Giáo dục California (CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, hãy xem trang mạng LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về nhà trường, phụ huynh/người giám hộ và các thành viên cộng đồng nên liên lạc với hiệu trưởng của trường hoặc văn phòng học khu.

DataQuest

DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến trên trang mạng DataQuest tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> và cung cấp thông tin bổ sung về trường này và các so sánh của trường với học khu và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu về các bài thi, học sinh ghi danh, học sinh tốt nghiệp trung học, học sinh bỏ học, đăng ký lớp học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến các học sinh chưa thạo tiếng Anh).

Bảng Dữ liệu về Trường học của California

Bảng Dữ liệu về Trường học của California (tiếng Anh là "California School Dashboard", gọi ngắn là "Bảng Dữ liệu") <https://www.caschooldashboard.org/> phản ánh trách nhiệm giải trình mới và hệ thống cải tiến liên tục của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đang đáp ứng nhu cầu của số lượng học sinh đa dạng của California. Bảng Dữ liệu có các báo cáo cho thấy hiệu suất của LEA, trường học và các nhóm học sinh trên một loạt các biện pháp của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ trong việc xác định điểm mạnh, thử thách và lĩnh vực cần cải thiện.

Giới thiệu về Trường này

Thông tin liên lạc của nhà trường (Năm học 2020-2021)

| Thực thể | Thông tin liên lạc |
|------------------------------------|--|
| Tên trường học | Trường của Tòa án Santa Clara Court School |
| Địa chỉ | 840 Guadalupe Parkway |
| Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính | San Jose, CA 95131-2304 |
| Số điện thoại | (408) 573-3208 |
| Hiệu trưởng | Katherine Everett, Ed. D. |
| Địa chỉ email | keverett@sccoe.org |
| Trang mạng | www.sccoe.org |
| Mã Quận-Học khu-Trường (CDS) | 43104394330254 |

Thông tin liên lạc của Học khu (Năm học 2020-2021)

| Thực thể | Thông tin liên lạc |
|---------------|--|
| Tên Học khu | Santa Clara County Office of Education |
| Số điện thoại | (408) 453-6500 |
| Tổng giám đốc | Mary Ann Dewan, Ph.D. |
| Địa chỉ email | maryann_dewan@sccoe.org |
| Trang mạng | www.sccoe.org |

Mô tả về Trường học và Tuyên bố Sứ mệnh (Năm học 2020-2021)

Tầm nhìn của Chương trình AED:

Để trở thành "gương mẫu xuất sắc trong học tập và sự an lành của học sinh", chúng tôi cam kết hướng dẫn, truyền cảm hứng và hỗ trợ học sinh bằng cách tạo cơ hội cho các em khám phá tiềm năng, phát triển nhân cách và tối đa hóa khả năng học tập để các em có thể trở thành những người học độc lập suốt đời và những công dân hữu ích.

Sứ mệnh của AED:

Học sinh của chúng tôi sẽ học trong một môi trường được cá nhân hóa nhằm nâng cao phẩm giá con người và thúc đẩy thành công trong học tập, xã hội, tình cảm và cá nhân.

Dịch vụ của AED

Bộ Giáo dục Thay thế (tiếng Anh là "Alternative Education Department", viết tắt là AED) cung cấp các dịch vụ giáo dục cho những học sinh không thành công trong các môi trường giáo dục khác vì nhiều lý do, bao gồm nhưng không chỉ có: các vấn đề xã hội, tình cảm, kinh tế và pháp luật. Bộ Giáo dục Thay thế phục vụ thanh thiếu niên có nguy cơ không tốt nghiệp và bị giam giữ trong hai loại môi trường: (1) Cơ sở của Bộ Quản chế Vị thành niên; Các cơ sở Giam cầm Vị thành niên và (2) Trường học Cộng đồng phục vụ học sinh được thả từ các học khu chính thức của các em. AED nhấn mạnh việc cải thiện khả năng đọc viết, làm toán và kỹ năng xã hội của học sinh. AED cũng cung cấp cơ hội chuẩn bị cho việc làm trong tương lai thông qua các khóa học phát triển việc làm và Giáo dục Kỹ thuật và Nghề nghiệp (tiếng Anh là "Career and Technical Education", viết tắt là CTE). Tất cả học sinh tham gia Kỳ thi Đánh giá Thành tích và Tiến bộ của Học sinh của California (tiếng Anh là "California Assessment of Student Performance and Progress", viết tắt là CAASPP) và Học sinh chưa thạo tiếng Anh được tham gia Kỳ thi Đánh giá Trình độ Anh ngữ của California (tiếng Anh là "English Language Proficiency Assessment of California", viết tắt là ELPAC). Khóa học với các môn học cốt lõi sẽ đáp ứng các Tiêu chuẩn Nội dung Học thuật của California, và học sinh tích cực lấy được điểm môn học để tốt nghiệp.

Bộ Giáo dục Thay thế của Phòng Giáo dục Santa Clara County Office of Education được công nhận bởi Hiệp hội Western Association of Schools and Colleges (WASC) và cam kết cung cấp một môi trường giáo dục thúc đẩy sự phát triển về khả năng đọc viết, kỹ năng theo thế kỷ 21, tính kiên cường và các kỹ năng xã hội phù hợp để giúp các học sinh có một cuộc sống thành công.

Số lượng học sinh theo khối lớp (Năm học 2019-2020)

| Khối lớp | Số lượng học sinh |
|------------------|-------------------|
| Lớp 8 | 2 |
| Lớp 9 | 10 |
| Lớp 10 | 46 |
| Lớp 11 | 36 |
| Lớp 12 | 31 |
| Tổng số học sinh | 125 |

Số lượng học sinh theo thể loại nhóm (Năm học 2019-2020)

| Nhóm học sinh | Tỷ lệ học sinh |
|--|----------------|
| Người da đen hoặc người Mỹ gốc Phi | 7,2 |
| Người Mỹ da đỏ hoặc thổ dân Alaska | 1,6 |
| Người Châu Á | 3,2 |
| Người Phi-líp-pin | 1,6 |
| Người Tây Ban Nha hoặc Mỹ La-tin | 80,8 |
| Người da trắng | 3,2 |
| Người lai hai hoặc đa chủng tộc | 2,4 |
| Khó khăn về kinh tế xã hội | 100 |
| Học sinh chưa thạo tiếng Anh | 34,4 |
| Học sinh khuyết tật | 33,6 |
| Thanh thiếu niên trong chương trình Foster Youth | 5,6 |
| Vô gia cư | 1,6 |

A. Điều kiện học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau liên quan đến mức độ ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ mà giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ về môn học dành cho học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường bảo trì tốt

Chứng chỉ của giáo viên

| Giáo viên | Trường học 2018-19 | Trường học 2019-20 | Trường học 2020-21 | Học khu 2020-21 |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|
| Có đầy đủ chứng chỉ | 19 | 19 | 19 | 198 |
| Không có đầy đủ chứng chỉ | 0 | 0 | 0 | 7 |
| Dạy các môn không thuộc sở trường (với đầy đủ chứng chỉ) | 0 | 0 | 0 | 0 |

Bổ nhiệm sai giáo viên và các chức vị giáo viên bị bỏ trống

| Chỉ số | 2018-19 | 2019-20 | 2020-21 |
|---|---------|---------|---------|
| Bổ nhiệm sai giáo viên dạy học sinh chưa thạo tiếng Anh | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số lần bổ nhiệm sai chức vị cho giáo viên* | 0 | 0 | 0 |
| Các chức vị giáo viên bị bỏ trống | 0 | 0 | 0 |

Lưu ý: "Bổ nhiệm sai" là số lượng chức vị được giữ bởi những giáo viên không được ủy quyền hợp pháp để giảng dạy cấp lớp, môn học, nhóm học sinh đó, v.v.

*Tổng số trường hợp bổ nhiệm sai giáo viên bao gồm số lượng trường hợp bổ nhiệm sai giáo viên cho học sinh chưa thạo tiếng Anh.

Chất lượng, Sự lưu hành, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và Tài liệu Giảng dạy khác (Năm học 2020-2021)

Năm và tháng mà dữ liệu được thu thập: Tháng 12 năm 2020

Các Trường của Tòa án Santa Clara County Court School sử dụng chương trình giảng dạy trực tuyến Edgenuity như một phần bổ sung cho sách giáo khoa đã được chấp thuận để dùng. Edgenuity tạo cơ hội cho việc kết hợp hai thể loại chương trình học (tại trường và từ xa) và việc học từ xa. Chương trình này dựa trên các tiêu chuẩn để cung cấp một chương trình giảng dạy toàn diện cho tất cả học sinh.

| Môn | Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác/năm được chọn | Theo lần được chọn mới nhất? | Tỷ lệ học sinh thiếu sách để dùng riêng |
|---|--|------------------------------|---|
| Độc/Ngữ văn | Pearson English 2018; Character Based Literacy -2012 Write Source-2011 EDGE and INSIDE-2012 | Đúng | 0% |
| Toán | Pearson, Integrated Math I, II and III - 2015 | Đúng | 0% |
| Khoa học | Holt, Physical and Earth Science - 2010 Prentice, Hall Biology - 2010 Holt Earth Science | Đúng | 0% |
| Lịch sử-Khoa học Xã hội | Prentice Hall, The Modern Era and World History - 2012 Prentice Hall, United States History: Modern - 2012 | Đúng | 0% |
| Ngoại ngữ | Không có | | 0% |
| Sức khỏe | Glencoe, Health, A Guide to Wellness - 2009 | Đúng | 0% |
| Nghệ thuật tạo hình và biểu diễn | Không có | | 0% |
| Thiết bị Phòng thí nghiệm Khoa học (lớp 9-12) | Nhiều chương trình trực tuyến cũng như trên CD: Một số tựa đề: * Forensic Science Labs * Earth Science Labs * Biology Science Labs | Đúng | 0% |

Lưu ý: Các ô "Không có" không cần dữ liệu.

Tình trạng Cơ sở vật chất và Cải tiến được dự kiến cho trường học

Các Trường của Tòa án Santa Clara County Court School tọa lạc tại Trại giam Người vị thành niên ở trung tâm thành phố San Jose và James Ranch ở ngoại ô Morgan Hill.

Các cơ sở vật chất được duy trì với sự phối hợp giữa Phòng Quản chế Vị thành niên Hạt Santa Clara và Phòng Giáo dục Hạt Santa Clara. Trường Osborne đã cộng thêm một phòng tập thể dục và khu vườn vào khuôn viên trường, và cơ sở Blue Ridge Ranch đã cho thêm các phòng học mới, nhà bếp và tân trang lớp học vào năm 2019-20.

Tình trạng sửa chữa tốt của cơ sở trường học

Sử dụng dữ liệu FIT được thu thập gần đây nhất (hoặc tương đương), cung cấp những điều sau:

- Xác định tình trạng sửa chữa cho các hệ thống được liệt kê
- Mô tả việc bảo trì cần thiết để đảm bảo việc sửa chữa tốt
- Năm và tháng mà dữ liệu được thu thập
- Đánh giá mỗi hệ thống được kiểm tra
- Đánh giá tổng thể

Năm và tháng của báo cáo FIT gần đây nhất: Tháng 8 năm 2019

| Hệ thống được kiểm tra | Đánh giá | Sửa chữa cần thiết và Hành động được thực hiện hoặc được lên kế hoạch |
|---|----------|---|
| Hệ thống: Rò rỉ khí, Cơ khí/HVAC, Hệ thống thoát nước | Tốt | |
| Nội thất: Bề mặt nội thất | Tốt | |
| Sạch sẽ: Sạch sẽ tổng thể, Côn trùng/chuột bọ phá hoại | Tốt | |
| Điện: Hệ thống điện | Tốt | |
| Phòng vệ sinh/Máy phun nước uống: Phòng vệ sinh, bồn rửa/Máy phun nước | Tốt | |
| An toàn: An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hiểm | Tốt | |
| Cấu trúc: thiệt hại về cấu trúc, mái nhà | Tốt | |
| Bên ngoài: Sân chơi / Sân trường, Cửa sổ / Cửa ra vào / Cổng / Hàng rào | Tốt | |
| Đánh giá tổng thể | Tốt | |

B. Kết quả của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích Học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh (Ưu tiên 4):

- **Đánh giá toàn tiểu bang** (ví dụ: Hệ thống Đánh giá Thành tích và Tiến bộ của Học sinh [CAASPP] của California, bao gồm các bài thi tổng kết Smarter Balanced Summative Assessment dành cho học sinh trong giáo dục phổ thông và bài thi thay thế California Alternate Assessment [CAA] cho môn Anh văn/Đọc viết tiếng Anh [ELA] và toán học cho lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể lấy bài thi CAA. Các phần trong bài thi CAA phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, được liên kết với Tiêu chuẩn Common Core của Tiểu bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật về nhận thức ở mức nghiêm trọng nhất); và
- Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các môn học đáp ứng yêu cầu vào hệ thống trường Đại học California University of California và California State University, hoặc các trình tự hoặc chương trình giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

Kết quả Kỳ thi CAASPP về ELA và Toán cho Tất cả Học sinh Từ Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một

Tỷ lệ Học sinh Đạt hoặc Vượt Tiêu chuẩn Tiểu bang

| Môn | Trường học 2018-19 | Trường học 2019-20 | Học khu 2018-19 | Học khu 2019-20 | Tiểu bang 2018-19 | Tiểu bang 2019-20 |
|---|--------------------|--------------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------------|
| Anh văn/Đọc viết (lớp 3-8 và 11) | 3 | Không có | 55 | Không có | 50 | Không có |
| Toán (lớp 3-8 và lớp 11) | 0 | Không có | 53 | Không có | 39 | Không có |

Lưu ý: Các ô "Không có" không cần dữ liệu.

Lưu ý: Dữ liệu năm học 2019-2020 không có sẵn. Do đại dịch COVID-19, Lệnh điều hành N-30-20 đã được ban hành để miễn quy định thi toàn tiểu bang cho năm học 2019-2020.

Lưu ý: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh lấy bài thi là mười hoặc ít hơn, vì số học sinh trong danh mục này quá nhỏ so với độ chính xác của thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Lưu ý: Kết quả bài thi ELA và toán bao gồm bài thi tổng kết Smarter Balanced Summative Assessment và CAA. Cột "Tỷ lệ đã đạt hoặc vượt trội" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn trong kỳ thi tổng kết Smarter Balanced Summative Assessment với tổng số học sinh đạt tiêu chuẩn (tức là đạt được Trình độ 3/Level 3-Alternate) trong kỳ thi CAA chia cho tổng số học sinh đã tham gia cả hai kỳ thi.

Kết quả kỳ thi CAASPP trong môn ELA tính theo Nhóm Học sinh

Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm học 2019-2020)

| Nhóm học sinh | Tổng số học sinh | Số lượng lấy bài thi | Tỷ lệ lấy bài thi | Tỷ lệ không lấy bài thi | Tỷ lệ đạt hoặc vượt trội |
|---|------------------|----------------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|
| Tất cả học sinh | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Nam | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Nữ | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người da đen hoặc người Mỹ gốc Phi | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Mỹ da đỏ hoặc thổ dân Alaska | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Châu Á | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Phi-líp-pin | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Tây Ban Nha hoặc Mỹ La-tin | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Hawaii bản địa/Đảo Thái Bình Dương | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người da trắng | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |

| Nhóm học sinh | Tổng số học sinh | Số lượng lấy bài thi | Tỷ lệ lấy bài thi | Tỷ lệ không lấy bài thi | Tỷ lệ đạt hoặc vượt trội |
|--|------------------|----------------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|
| Người lai hai hoặc đa chủng tộc | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Khó khăn về kinh tế xã hội | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh chưa thạo tiếng Anh | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh khuyết tật | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh nhận Dịch vụ Migrant Education | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Thanh thiếu niên trong chương trình Foster Youth | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Vô gia cư | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |

Lưu ý: Các ô "Không có" không cần dữ liệu.

Lưu ý: Dữ liệu năm học 2019-2020 không có sẵn. Do đại dịch COVID-19, Lệnh điều hành N-30-20 đã được ban hành để miễn quy định thi toàn tiểu bang cho năm học 2019-2020.

Kết quả kỳ thi CAASPP trong môn Toán tính theo Nhóm Học sinh Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm học 2019-2020)

| Nhóm học sinh | Tổng số học sinh | Số lượng lấy bài thi | Tỷ lệ lấy bài thi | Tỷ lệ không lấy bài thi | Tỷ lệ đạt hoặc vượt trội |
|--|------------------|----------------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|
| Tất cả học sinh | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Nam | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Nữ | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người da đen hoặc người Mỹ gốc Phi | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Mỹ da đỏ hoặc thổ dân Alaska | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Châu Á | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Phi-líp-pin | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Tây Ban Nha hoặc Mỹ La-tin | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Hawaii bản địa/Đảo Thái Bình Dương | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người da trắng | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người lai hai hoặc đa chủng tộc | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Khó khăn về kinh tế xã hội | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh chưa thạo tiếng Anh | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh khuyết tật | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh nhận Dịch vụ Migrant Education | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Thanh thiếu niên trong chương trình Foster Youth | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Vô gia cư | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |

Lưu ý: Các ô "Không có" không cần dữ liệu.

Lưu ý: Dữ liệu năm học 2019-2020 không có sẵn. Do đại dịch COVID-19, Lệnh điều hành N-30-20 đã được ban hành để miễn quy định thi toàn tiểu bang cho năm học 2019-2020.

**Kết quả kỳ thi CAASPP về Khoa học cho Tất cả Học sinh Lớp Năm, Lớp Tám và Trung học phổ thông
Tỷ lệ Học sinh Đạt hoặc Vượt Tiêu chuẩn Tiểu bang**

| Môn | Trường học 2018-19 | Trường học 2019-20 | Học khu 2018-19 | Học khu 2019-20 | Tiểu bang 2018-19 | Tiểu bang 2019-20 |
|---|-----------------------|-----------------------|--------------------|--------------------|----------------------|----------------------|
| Khoa học (lớp 5, lớp 8 và trung học phổ thông) | -- | Không có | 37 | Không có | 30 | Không có |

Lưu ý: Các ô "Không có" không cần dữ liệu.

Lưu ý: Dữ liệu năm học 2019-2020 không có sẵn. Do đại dịch COVID-19, Lệnh điều hành N-30-20 đã được ban hành để miễn quy định thi toàn tiểu bang cho năm học 2019-2020.

Lưu ý: Bài thi Khoa học California (CAST) mới được đưa ra lần đầu tiên vào năm học 2018-2019.

**Kết quả kỳ thi CAASPP trong môn Khoa học tính theo Nhóm Học sinh
Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm học 2019-2020)**

| Nhóm học sinh | Tổng số học sinh | Số lượng lấy bài thi | Tỷ lệ lấy bài thi | Tỷ lệ không lấy bài thi | Tỷ lệ đạt hoặc vượt trội |
|---|------------------|----------------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|
| Tất cả học sinh | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Nam | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Nữ | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người da đen hoặc người Mỹ gốc Phi | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Mỹ da đỏ hoặc thổ dân Alaska | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Châu Á | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Phi-líp-pin | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Tây Ban Nha hoặc Mỹ La-tin | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người Hawaii bản địa/Đảo Thái Bình Dương | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người da trắng | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Người lai hai hoặc đa chủng tộc | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Khó khăn về kinh tế xã hội | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh chưa thạo tiếng Anh | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh khuyết tật | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Học sinh nhận Dịch vụ Migrant Education | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Thanh thiếu niên trong chương trình Foster Youth | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |
| Vô gia cư | Không có | Không có | Không có | Không có | Không có |

Lưu ý: Các ô "Không có" không cần dữ liệu.

Lưu ý: Dữ liệu năm học 2019-2020 không có sẵn. Do đại dịch COVID-19, Lệnh điều hành N-30-20 đã được ban hành để miễn quy định thi toàn tiểu bang cho năm học 2019-2020.

Các Chương trình Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp (Năm học 2019-2020)

Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp ("Career Technical Education", viết tắt là CTE) tập hợp học sinh, nhà giáo và nhà tuyển dụng lại với nhau để phát triển và củng cố mối quan hệ giữa những gì được giảng dạy trong lớp học và việc sử dụng chúng tại nơi làm việc. CTE hoạt động để chuẩn bị cho học sinh các kỹ năng của thế kỷ 21.

- Một loạt các môn học được nhóm lại với nhau để kết hợp việc đào tạo học thuật và kỹ thuật để cung cấp cho học sinh một lộ trình học sau trung học và nghề nghiệp.
- Một số lớp CTE độc lập, và những lớp khác được tìm thấy trong Học viện California Partnership Academies, các chương trình Multiple Pathway hoặc Chương trình Nghề nghiệp Regional Occupational Program.
- CTE thu hút học sinh, tăng tỷ lệ đi học đều đặn và tốt nghiệp, giúp thu hẹp khoảng cách giữa thành tích và năng điểm.

Trong năm học 2019-20, các chương trình CTE được cung cấp bởi các chương trình của trường tòa án, bao gồm ngành hàn, xây dựng và nghệ thuật ẩm thực. Học sinh cũng tham gia chương trình Chứng nhận An toàn Thực phẩm, Chứng chỉ Giáo dục Nghề nghiệp ICTVE, và các chứng chỉ trực tuyến thông qua các công đoàn. Học sinh tốt nghiệp được khuyến khích ghi danh vào các khóa học cao đẳng cộng đồng nếu có.

Ủy ban Cố vấn CTE bao gồm nhân viên từ chương trình quản chế, các đối tác cộng đồng, và nhân viên học khu và trường học.

Tham gia Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp (CTE) (Năm học 2019-2020)

| Phương pháp đo lường | Tham gia Chương trình CTE |
|--|---------------------------|
| Số học sinh tham gia CTE | 130 |
| Tỷ lệ học sinh sinh hoàn thành Chương trình CTE và lãnh Bằng Tốt nghiệp Trung học | 0 |
| Tỷ lệ các môn học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc khớp nối giữa trường học và các tổ chức giáo dục sau trung học | 0 |

Các môn học hội đủ điều kiện để được chấp nhận vào trường Đại học California (UC) và/hoặc Đại học Tiểu bang California (CSU)

| Đo lường các môn học theo hệ thống UC/CSU | Tỷ lệ |
|--|-------|
| Học sinh đã đăng ký các môn học cần thiết để được vào UC/CSU trong năm học 2019-20 | 0 |
| Học sinh tốt nghiệp đã hoàn thành tất cả các môn học cần thiết để vào UC/CSU trong năm học 2018-19 | 0 |

Mức độ ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8):

- Kết quả của học sinh trong các môn giáo dục thể chất.

Kết quả kỳ thi Môn Thể chất California (Năm học 2019-2020)

| Khối lớp | Tỷ lệ học sinh đạt được bốn trong sáu tiêu chuẩn về thể chất | Tỷ lệ học sinh đạt được năm trong sáu tiêu chuẩn về thể chất | Tỷ lệ học sinh đạt được sáu trong sáu tiêu chuẩn về thể chất |
|----------|--|--|--|
| 5 | Không có | Không có | Không có |
| 7 | Không có | Không có | Không có |
| 9 | Không có | Không có | Không có |

Lưu ý: Các ô "Không có" không cần dữ liệu.

Lưu ý: Dữ liệu năm học 2019-2020 không có sẵn. Do đại dịch COVID-19, Lệnh hành pháp N-56-20 đã được ban hành để miễn yêu cầu thực hiện kỳ thi thành tích thể dục cho năm học 2019-2020.

C. Tham gia

Mức độ ưu tiên của tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh

SARC cung cấp thông tin sau liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh (Ưu tiên 3):

- Các nỗ lực của học khu để có ý kiến của phụ huynh trong việc đưa ra các quyết định cho học khu và mỗi trường

Cơ hội cho phụ huynh tham gia (Năm học 2020-2021)

Sự tham gia của phụ huynh/người giám hộ để hỗ trợ học sinh thành công ở trường là điều cực kỳ quan trọng và được mạnh mẽ mời mọc. Hội đồng Nhà trường làm việc cộng tác với nhân viên, học sinh và quản lý để hỗ trợ việc phát triển kế hoạch và ngân sách của trường và theo dõi tiến độ. Tất cả phụ huynh/người giám hộ được mời tham dự các cuộc họp lập kế hoạch theo sự chấp thuận của Chương trình Quản chế. Phụ huynh/người giám hộ cũng được mời tham dự các cuộc họp hàng quý của Ủy ban Cố vấn Phụ huynh cho Kế hoạch về Trách nhiệm Giải trình và Kiểm soát tại Địa phương (LCAP) và và phụ huynh/người giám hộ của các học sinh chưa thạo tiếng Anh được mời đến dự buổi họp Ban Cố vấn Học sinh chưa thạo tiếng Anh (DELAC). Phụ huynh/người giám hộ của học sinh bị giam giữ cũng được cung cấp thông tin liên quan đến các nguồn trợ giúp trong cộng đồng và phụ huynh/người giám hộ được mời tham gia các cuộc họp nhập học và các cuộc họp nhóm đa ngành.

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh (Ưu tiên 5):

- Tỷ lệ trẻ em cấp trung học phổ thông bỏ học; và
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông.

Tỷ lệ bỏ học và tỷ lệ tốt nghiệp (Tỷ lệ của nhóm học bốn năm)

| Chỉ số | Trường học 2016-17 | Trường học 2017-18 | Trường học 2018-19 | Học khu 2016-17 | Học khu 2017-18 | Học khu 2018-19 | Tiểu bang 2016-17 | Tiểu bang 2017-18 | Tiểu bang 2018-19 |
|------------------|--------------------|--------------------|--------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Tỷ lệ bỏ học | 36,7 | 68.8 | 36.1 | 27,1 | 49,3 | 21.2 | 9,1 | 9,6 | 9 |
| Tỷ lệ Tốt nghiệp | 36,7 | 28.1 | 43.1 | 45,8 | 45,3 | 47,6 | 82,7 | 83 | 84,5 |

Ưu tiên của Tiểu bang: Hoàn cảnh trong Trường học

SARC cung cấp những thông tin sau liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Hoàn cảnh trong Trường học (Ưu tiên 6):

- Tỷ lệ đình chỉ học sinh;
- Tỷ lệ trực xuất học sinh; và
- Các đo lường khác của địa phương về ý thức an toàn.

Đình chỉ học tập và Trực xuất ra khỏi trường

(dữ liệu được thu thập từ tháng 7 đến tháng 6, tương ứng cho nguyên năm học)

| Tỷ lệ | Trường học 2017-18 | Trường học 2018-19 | Học khu 2017-18 | Học khu 2018-19 | Tiểu bang 2017-18 | Tiểu bang 2018-19 |
|------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------------|
| Đình chỉ học tập | 0,0 | 0,1 | 2,9 | 2,3 | 3,5 | 3,5 |
| Trực xuất ra khỏi trường học | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0,1 | 0,1 |

**Số học sinh bị đình chỉ học tập và trực xuất trong năm học 2019-2020
(dữ liệu được thu thập từ tháng 7 đến tháng 2, một phần năm học do đại dịch COVID-19)**

| Tỷ lệ | Trường học 2019-20 | Học khu 2019-20 | Tiểu bang 2019-20 |
|-------------------------------------|--------------------|-----------------|-------------------|
| Đình chỉ học tập | 0,0 | 0,0 | Không có |
| Trực xuất ra khỏi trường học | 0,0 | 0,0 | Không có |

Lưu ý: Dữ liệu tỷ lệ học sinh bị đình chỉ và trực xuất trong năm học 2019-2020 không thể được so sánh với dữ liệu của năm trước vì năm học 2019-2020 là năm học không đầy đủ do cuộc khủng hoảng COVID-19. Do đó, sẽ không phù hợp nếu so sánh tỷ lệ học sinh bị đình chỉ và trực xuất trong năm học 2019-2020 với các năm trước.

Kế hoạch về An toàn cho Trường học (Năm học 2020-2021)

Trường Tòa án và Trường Cộng đồng của SCCOE cập nhật và sửa đổi Kế hoạch về An toàn cho Trường học hàng năm. Kế hoạch về An toàn cho Trường học được phê duyệt bởi Hội đồng Nhà trường và Hội đồng Quản trị SCCOE và có thông tin về:

Kế hoạch bao gồm các lĩnh vực sau:

- * Sổ tay ứng phó khủng hoảng
- * Thủ tục báo cáo về trẻ em bị lạm dụng và hành hạ
- * Thông tin liên lạc khẩn cấp và việc sơ tán
- * Các chính sách liên quan đến các hành động dẫn đến việc đình chỉ và/hoặc trực xuất
- * Thông báo về các thủ tục khiếu nại thống nhất
- * Chính sách Chống quấy rối tình dục
- * Các quy trình để học sinh ra vào an toàn

Kế hoạch này được cập nhật và xem lại hàng năm. Ngày xem lại Kế hoạch về An toàn cho Trường học cuối cùng là tháng 1 năm 2020. Các Kế hoạch An toàn được Hội đồng Quản trị địa phương và Hội đồng Nhà trường phê duyệt hàng năm.

Quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học (Trung học cơ sở)

| Môn | 2017-18 | 2017-18 | 2017-18 | 2017-18 | 2018-19 | 2018-19 | 2018-19 | 2018-19 | 2019-20 | 2019-20 | 2019-20 | 2019-20 |
|------------------------|---------------------------|----------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|---------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|---------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| | Quy mô lớp học trung bình | Số lượng các lớp học* có 1-20 em | Số lượng các lớp học* có 21-32 | Số lượng các lớp học* có 33 | Quy mô lớp học trung bình | Số lượng các lớp học* có 1-20 | Số lượng các lớp học* có 21-32 | Số lượng các lớp học* có 33 | Quy mô lớp học trung bình | Số lượng các lớp học* có 1-20 | Số lượng các lớp học* có 21-32 | Số lượng các lớp học* có 33 |
| Tiếng Anh | 3 | 40 | | | 3 | 46 | | | 2 | 56 | | |
| Ngữ văn | | | | | | | | | | | | |
| Toán | 6 | 20 | | | 7 | 21 | | | 6 | 22 | | |
| Khoa học | 7 | 19 | | | 7 | 20 | | | 8 | 18 | | |
| Khoa học xã hội | 7 | 16 | | | 8 | 18 | | | 8 | 16 | | |

*Số lượng lớp cho biết có bao nhiêu lớp rơi vào mỗi quy mô lớp (tổng số học sinh cho mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo môn học hơn là khối lớp.

Tỷ lệ học sinh cho mỗi Nhà cố vấn Học sinh (Năm học 2019-2020)

| Chức danh | Tỷ lệ |
|----------------------|-------|
| Nhà Cố vấn Học sinh* | 125 |

*Một Full-time Equivalent (FTE) là một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể tương đương cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50% toàn thời gian.

Nhân viên Dịch vụ Hỗ trợ Học sinh (Năm học 2019-2020)

| Chức danh | Số FTE* được chỉ định cho trường học |
|--|--------------------------------------|
| Nhà Cố vấn Học sinh (về Học thuật, Xã hội/Hành vi hoặc Phát triển Nghề nghiệp) | 1 |
| Giáo viên Tài liệu Thư viện (Thủ thư) | 1 |
| Nhân viên Dịch vụ Thư viện (Bán chuyên nghiệp) | 1 |
| Nhà tâm lý học | 1 |
| Nhân viên Xã hội | |
| Y tá | |
| Chuyên gia dạy nói/ngôn ngữ/thính giác | |
| Chuyên gia Hỗ trợ (không giảng dạy) | 1 |
| Nhân viên khác | 1 |

*Một Full-time Equivalent (FTE) là một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể tương đương cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50% toàn thời gian.

Chi phí cho mỗi học sinh và lương giáo viên của trường (Năm tài chính 2018-2019)

| Cấp | Tổng chi phí cho mỗi học sinh | Chi phí cho mỗi học sinh (Hạn chế) | Chi phí cho mỗi học sinh (Không hạn chế) | Mức lương trung bình của giáo viên |
|--|-------------------------------|------------------------------------|--|------------------------------------|
| Trường học | \$ 32.028,19 | \$ 134,80 | \$ 31.893,38 | \$ 100.243,26 |
| Học khu | Không có | Không có | \$ 6.018,51 | \$ 95.977,00 |
| Phần trăm chênh lệch - Trường và Học khu | Không có | Không có | 136,5 | 4,3 |
| Tiểu bang | Không có | Không có | \$ 7.750,00 | \$ 82.746 |
| Phần trăm Chênh lệch - Trường học và Tiểu bang | Không có | Không có | 121,8 | 19,1 |

Lưu ý: Các ô "Không có" không cần dữ liệu.

Các loại dịch vụ được tài trợ (Năm tài chính 2019-2020)

Tài trợ Title I, Title III, Title IV, và Local Control Funding Formula cung cấp tài liệu bổ sung cho Học sinh chưa thạo tiếng Anh, thanh thiếu niên trong chương trình nuôi dưỡng "Foster" và học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội nghèo.

Quỹ tài trợ an toàn trong trường học cung cấp các dịch vụ tư vấn và bổ sung cho Học sinh chưa thạo tiếng Anh, thanh thiếu niên trong chương trình nuôi dưỡng "Foster" và học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội nghèo.

Kinh phí đào tạo nhân viên hỗ trợ việc phát triển nghề nghiệp và tiền lương của giáo viên. Nguồn vốn Title I cung cấp:

- Các chương trình an toàn bổ sung
- Các chương trình tư vấn bổ sung

- Vật liệu bổ sung
- Nhân viên bổ sung

Lương Giáo viên và Nhân viên Hành chính (Năm tài chính 2018-2019)

| Thành phần | Lương tại Học khu | Lương trung bình toàn tiểu bang cho các Học khu trong cùng thành phần |
|--|-------------------|---|
| Lương giáo viên mới bắt đầu | \$ 60.288,00 | Không có |
| Lương giáo viên tầm trung | \$ 87.957,00 | Không có |
| Lương giáo viên cao nhất | \$ 115.986,00 | Không có |
| Lương Hiệu trưởng trung bình (Tiểu học) | Không có | Không có |
| Lương Hiệu trưởng trung bình (Trung học cơ sở) | Không có | Không có |
| Lương Hiệu trưởng trung bình (Trung học phổ thông) | \$ 134.325,00 | Không có |
| Lương Giám đốc Học khu | \$ 326.859,64 | Không có |
| Tỷ lệ ngân sách cho lương giáo viên | 15% | Không có |
| Tỷ lệ ngân sách cho lương hành chính | 4% | Không có |

Để biết thông tin chi tiết về mức lương, hãy xem trang mạng của CDE về Lương & Phúc lợi của Nhân viên có Chứng chỉ tại <https://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Môn học Cấp cao ("Advanced Placement", viết tắt là AP) (Năm học 2019-2020)

| Môn | Số lượng môn học AP được cung cấp* | Tỷ lệ học sinh lấy các môn học AP |
|----------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| Khoa học máy tính | Không có | Không có |
| Tiếng Anh | Không có | Không có |
| Nghệ thuật tạo hình và Biểu diễn | Không có | Không có |
| Ngoại ngữ | Không có | Không có |
| Toán | Không có | Không có |
| Khoa học | Không có | Không có |
| Khoa học xã hội | Không có | Không có |
| Tất cả các môn học | Không có | Không có |

*Khi có ít nhất một học sinh đăng ký học môn đó.

Phát triển nghề nghiệp (Ba năm gần đây nhất)

| Phương pháp đo lường | 2018-19 | 2019-20 | 2020-21 |
|--|---------|---------|---------|
| Số ngày học dành riêng cho việc Đào tạo Nhân viên và Cải tiến Liên tục | 5 | 5 | 5 |

Bộ Giáo dục Thay thế sử dụng dữ liệu để đưa ra quyết định và xác định các ưu tiên. Trọng tâm hiện tại của Bộ Giáo dục Thay thế là cung cấp một chương trình học vững chắc cho học sinh với sự hỗ trợ cho Học sinh chưa thạo tiếng Anh và Học sinh Khuyết tật. Ngoài ra, Bộ Giáo dục Thay thế cung cấp sự tập trung vào việc làm khớp việc giảng dạy với công việc của học sinh thông qua các Cộng đồng Học tập Chuyên nghiệp. Các lĩnh vực phát triển chuyên môn khác bao gồm tập trung vào Thiết kế Phổ quát cho Học tập, Hỗ trợ Can thiệp Hành vi Tích cực (PBIS) và sự tham gia của học sinh. Việc phát triển chuyên môn được tính vào thời gian làm việc và bao gồm các ngày tan học sớm vào thứ Tư. Giáo viên được cố vấn bởi các huấn luyện viên chuyên nghiệp trong lĩnh vực toán học, khoa học, xã hội học và ELA/ELD. Các nhóm có công việc giống nhau gặp gỡ để hợp tác về Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp và phục vụ Học sinh Khuyết tật. Giáo viên và nhân viên được hỗ trợ thông qua việc chia sẻ dữ liệu, huấn luyện và phối hợp với đồng nghiệp. Kể từ khi COVID-19 xảy ra, việc phát triển chuyên môn đã tập trung vào chương trình dạy học từ xa và hỗ trợ các gia đình trong cuộc khủng hoảng COVID-19.